

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Kiểm toán - 1104057

Mã lớp học phần: 110405703

Giảng viên giảng dạy: Trần Việt Hùng

Ngày thi: 03/12/2014

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: A1.9

Số tín chỉ: 2

Giám thị 1: Trần Thị Hoa Ký tên: Trần Thị Hoa

Giám thị 2: Minh Tiến Ký tên: Minh Tiến

Giám thị 3: Quang Minh Ký tên: Quang Minh

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210130341	Phạm Minh Luân	06/12/1994	<u>[Chữ ký]</u>		5,0	Nặng	C14KT3	
2	1110130087	Đặng Thị Xuân Mai	10/05/1991	<u>[Chữ ký]</u>		8,0	Tạm	C14KT3	
3	1210130228	Cao Thị Hà My	20/11/1993	<u>[Chữ ký]</u>		7,5	Bảng nhợt	C14KT3	
4	1210130229	Hồ Ngọc Yến Nhi	21/11/1994	<u>[Chữ ký]</u>		8,0	Tạm	C14KT3	
5	1210130230	Trần Minh Tân	19/09/1994	<u>[Chữ ký]</u>		8,0	Tạm	C14KT3	
6	1210130231	Lê Thị Mai Thảo	08/08/1994	<u>[Chữ ký]</u>		8,0	Tạm	C14KT3	
7	1210130232	Nguyễn Thị Thu Thảo	01/07/1994	<u>[Chữ ký]</u>		8,0	Tạm	C14KT3	
8	1210130233	Nguyễn Thị Thu Thảo	30/09/1994	<u>[Chữ ký]</u>		8,0	Tạm	C14KT3	
9	1210130236	Quách Thị Ngọc Thảo	29/08/1994	<u>[Chữ ký]</u>		6,0	Sấp	C14KT3	
10	1210130237	Dương Thị Hồng Thi	01/04/1994	<u>[Chữ ký]</u>		7,0	Bảng	C14KT3	
11	1210130238	Nguyễn Thị Mai Thi	02/12/1994	<u>[Chữ ký]</u>		9,0	Chín	C14KT3	
12	1210130239	Nguyễn Thị Vân Thi	10/09/1994	<u>[Chữ ký]</u>		7,0	Bảng	C14KT3	
13	1210130240	Hồ Thị Thiện	03/03/1994	<u>[Chữ ký]</u>	✓			C14KT3	Nợ HP
14	1210130251	Vương Đức Thịnh	02/11/1994	<u>[Chữ ký]</u>		8,0	Tạm	C14KT3	
15	1210130254	Nghiêm Thị Hoài Thu	05/03/1994	<u>[Chữ ký]</u>		8,0	Tạm	C14KT3	
16	1210130255	Trần Thị Cẩm Thu	16/03/1993	<u>[Chữ ký]</u>		8,0	Tạm	C14KT3	
17	1210130256	Võ Ngọc Minh Thu	12/11/1994	<u>[Chữ ký]</u>		7,0	Bảng	C14KT3	
18	1210130257	Lê Thị Thùy	16/08/1994	<u>[Chữ ký]</u>		8,0	Tạm	C14KT3	
19	1210130259	Nguyễn Thị Kim Thùy	01/07/1994	<u>[Chữ ký]</u>		9,0	Chín	C14KT3	
20	1210130261	Nguyễn Thị Thủy	19/02/1994	<u>[Chữ ký]</u>		8,0	Tạm	C14KT3	
21	1210130262	Phan Thị Thanh Thủy	02/04/1994	<u>[Chữ ký]</u>		7,5	Bảng nhợt	C14KT3	
22	1210130263	Trần Thị Lệ Thủy	04/06/1994	<u>[Chữ ký]</u>		8,0	Tạm	C14KT3	
23	1210130260	Trương Thiên Thúy	16/06/1994	<u>[Chữ ký]</u>		7,0	Bảng	C14KT3	
24	1210130245	Đào Thị Thư	30/01/1994	<u>[Chữ ký]</u>		8,0	Tạm	C14KT3	
25	1210130242	Huỳnh Anh Thư	07/11/1993	<u>[Chữ ký]</u>		8,0	Tạm	C14KT3	
26	1210130243	Lê Vũ Minh Thư	19/10/1994	<u>[Chữ ký]</u>		9,0	Chín	C14KT3	
27	1210130244	Lưu Kim Thư	19/11/1994	<u>[Chữ ký]</u>		8,0	Tạm	C14KT3	
28	1210130246	Nguyễn Thị Trúc Thư	28/04/1994	<u>[Chữ ký]</u>		7,5	Bảng nhợt	C14KT3	
29	1210130247	Phạm Thị Anh Thư	02/10/1994	<u>[Chữ ký]</u>		6,0	Sấp	C14KT3	
30	1210130248	Phạm Thị Minh Thư	20/11/1993	<u>[Chữ ký]</u>		8,0	Tạm	C14KT3	
31	1210130252	Nguyễn Thị Minh Thương	11/09/1994	<u>[Chữ ký]</u>		4,0	Bớt	C14KT3	
32	1210130265	Trần Thị Cẩm Tiên	22/01/1994	<u>[Chữ ký]</u>		7,0	Bảng	C14KT3	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1210130267	Văn Thùy Tiên	03/09/1994	<i>[Signature]</i>		7,0	<i>ba</i>	C14KT3	
34	1210130282	Cao Thị Thùy Trang	17/08/1993	<i>[Signature]</i>		8,0	<i>Tam</i>	C14KT3	
35	1210130283	Dương Thùy Trang	13/04/1994	<i>[Signature]</i>		8,0	<i>Tam</i>	C14KT3	
36	1210130284	Mã Minh Trang	24/11/1994	<i>[Signature]</i>		8,0	<i>Tam</i>	C14KT3	
37	1210130285	Nguyễn Thị Minh Trang	26/03/1994	<i>[Signature]</i>		8,0	<i>Tam</i>	C14KT3	
38	1210130286	Nguyễn Thị Ngọc Trang	06/11/1994	<i>[Signature]</i>		8,0	<i>Tam</i>	C14KT3	
39	1210130288	Phạm Thị Thu Trang	14/06/1994	<i>[Signature]</i>		9,0	<i>Chin</i>	C14KT3	
40	1210130289	Phạm Thị Thùy Trang	02/02/1993	<i>[Signature]</i>		8,0	<i>Tam</i>	C14KT3	
41	1210130293	Võ Thị Thu Trang	08/10/1994	<i>[Signature]</i>		8,0	<i>Tam</i>	C14KT3	
42	1210130271	Lê Thị Trâm	25/05/1994	<i>[Signature]</i>		8,0	<i>Tam</i>	C14KT3	
43	1210130272	Nguyễn Ngọc Bích Trâm	01/07/1994	<i>[Signature]</i>		7,0	<i>ba</i>	C14KT3	
44	1210130273	Nguyễn Thị Bích Trâm	08/04/1994	<i>[Signature]</i>		9,0	<i>Chin</i>	C14KT3	
45	1210130276	Phan Thị Ngọc Trâm	08/10/1993	<i>[Signature]</i>		9,0	<i>Chin</i>	C14KT3	
46	1210130275	Phạm Thị Tuyết Trâm	08/12/1994	<i>[Signature]</i>		6,5	<i>Sau uoi</i>	C14KT3	
47	1210130277	Trần Thị Ngọc Trâm	20/04/1994	<i>[Signature]</i>		7,0	<i>ba</i>	C14KT3	
48	1210130278	Trần Thị Thùy Trâm	30/07/1994	<i>[Signature]</i>		9,0	<i>Chin</i>	C14KT3	
49	1210130279	Bùi Nguyễn Mỹ Trân	07/01/1994	<i>[Signature]</i>		7,0	<i>ba</i>	C14KT3	
50	1210130280	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	30/05/1993	<i>[Signature]</i>		6,0	<i>Gan</i>	C14KT3	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Kiểm toán - 1104057

Mã lớp học phần: 110405703

Giảng viên giảng dạy: Trần Việt Hùng

Ngày thi: 03/12/2014

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: A1.10

Số tín chỉ: 2

Giám thị 1: P. Thuận Ký tên: h

Giám thị 2: V. Phương Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210130281	Nguyễn Thị Huyền Trần	28/05/1994	<u>h</u>		8,0	Tam	C14KT3	
2	1210130294	Cao Thị Mỹ Trinh	25/07/1994	<u>h</u>		6,0	Sai	C14KT3	
3	1210130295	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	18/04/1994	<u>Trinh</u>		7,5	Bảng số	C14KT3	
4	1210130297	Võ Thị Yến Trinh	03/08/1994	<u>Trinh</u>		5,0	Nam	C14KT3	
5	1210130299	Huỳnh Thị Tròn	09/09/1993	<u>Tròn</u>		7,0	Bảng	C14KT3	
6	1210130300	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	24/04/1994	<u>Trúc</u>		7,0	Bảng	C14KT3	
7	1210130301	Nguyễn Thị Thùy Trúc	28/7/1994	<u>Trúc</u>		7,0	Bảng	C14KT3	
8	1210130302	Nguyễn Trần Thanh Trúc	18/12/1994	<u>Trúc</u>		7,0	Bảng	C14KT3	
9	1210130303	Phan Thanh Trúc	21/10/1994	<u>Trúc</u>		8,0	Tam	C14KT3	
10	1210130304	Sử Thanh Trúc	05/10/1994	<u>Trúc</u>		8,0	Tam	C14KT3	
11	1210130305	Cao Minh Tuấn	23/12/1993	<u>Tuấn</u>		5,0	Nam	C14KT3	
12	1210130306	Trần Châu Tuấn	16/09/1994	<u>Châu</u>		6,0	Sai	C14KT3	
13	1210130313	Đinh Thị Thanh Tuyền	31/05/1994	<u>Tuyền</u>		6,0	Sai	C14KT3	
14	1210130310	Hồ Thị Thanh Tuyền	19/07/1993	<u>Tuyền</u>		6,0	Sai	C14KT3	
15	1210130311	Lê Thị Ngọc Tuyền	03/11/1994	<u>Tuyền</u>		4,5	Bảng số	C14KT3	
16	1210130312	Nguyễn Thị Bích Tuyền	28/03/1994	<u>Tuyền</u>		6,5	Sai số	C14KT3	
17	1210130315	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	17/11/1994	<u>Tuyết</u>		7,0	Bảng	C14KT3	
18	1210130308	Huỳnh Thanh Tùng	20/04/1994	<u>Tùng</u>		4,0	Bảng	C14KT3	
19	1210130316	Bùi Thị Minh Ty	11/08/1994	<u>Ty</u>		4,0	Bảng	C14KT3	
20	1210130317	Lê Thị Kim Uyên	12/12/1994	<u>Uyên</u>		3,0	Bảng	C14KT3	Nợ HP
21	1210130318	Kiều Thị Thúy Vân	30/08/1994	<u>Vân</u>		4,0	Bảng	C14KT3	
22	1210130319	Nguyễn Thị Vân	18/04/1994	<u>Vân</u>		4,0	Bảng	C14KT3	
23	1210130320	Hồ Thị Xuân Vi	07/10/1994	<u>Vi</u>		8,0	Tam	C14KT3	
24	1210130321	Lê Huyền Vi	18/06/1994	<u>Vi</u>		5,0	Nam	C14KT3	
25	1210130322	Ngô Thị Vinh	08/11/1994	<u>Vinh</u>		7,0	Bảng	C14KT3	
26	1210130324	Trần Thị Thanh Vui	14/02/1994	<u>Vui</u>		5,0	Nam	C14KT3	
27	1210130323	Nguyễn Thanh Vương	10/03/1994	<u>Vương</u>		5,0	Nam	C14KT3	
28	1210130327	Lê Nguyễn Thùy Vy	14/07/1994	<u>Vy</u>		7,0	Bảng	C14KT3	
29	1210130330	Huỳnh Kim Anh Xuân	18/10/1994	<u>Xuân</u>		3,5	Bảng số	C14KT3	
30	1210130333	Trần Thanh Xuân	27/11/1994	<u>Xuân</u>		9,0	Chín	C14KT3	
31	1210130334	Trương Thị Kim Xuân	12/11/1994	<u>Xuân</u>		8,0	Tam	C14KT3	
32	1210130336	Nguyễn Thị Ngọc Yến	20/03/1994	<u>Yến</u>		4,0	Bảng	C14KT3	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1210130337	Phạm Mỹ Yên	05/05/1994	<i>Yên</i>		8,0	<i>Tính</i>	C14KT3	
34	1210130338	Trần Kim Yên	20/11/1994	<i>Yên</i>		5,0	<i>Nam</i>	C14KT3	
35	1210130339	Lê Như Ý	24/12/1994	<i>Ý</i>		5,0	<i>Nam</i>	C14KT3	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.